

Bản án số: 40/2020/HS-ST

Ngày: 05 - 6 – 2020

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đoàn Công Quốc**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Huỳnh Thanh Trà**

Ông **Huỳnh Tiễn**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Linh Phương** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Đình Ngọc Vĩnh** - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 37/2020/HSST ngày 23/4/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2020/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 5 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị T, sinh ngày 01/7/1972 tại Đà Nẵng; Giới tính: Nữ; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở: X, tổ Y, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng; Trình độ học vấn: 4/12; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Con ông Nguyễn Văn L (chết) và bà Nguyễn Thị T (chết), có chồng là Huỳnh Văn T và 03 con (con lớn nhất sinh năm 1990, con nhỏ nhất sinh năm 2000); Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

*** Người bị hại:** Bà **Nguyễn Thị Thu TT** sinh năm: 1960; Trú: đường L, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1/ Bà **Ngô Thị Ngọc L**, sinh năm 1975; Trú tại: đường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

2/ Bà **Hoàng Thị Thanh M**, sinh năm 1968; Trú tại: đường C, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

3/ Bà **Nguyễn Thị Duy N**, sinh năm 1984; Trú tại: đường L, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và qua diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Nguyễn Thị T là người giúp việc cho nhà bà Nguyễn Thị Thu T tại đường L, phường H, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Trong khoảng thời gian từ tháng 9 đến tháng 10/2019 lợi dụng sơ hở của bà Nguyễn Thị Thu T, bị cáo đã 04 lần thực hiện hành vi trộm cắp. Cụ thể:

Lần thứ nhất: Khoảng đầu tháng 9/2019 trong lúc rửa chén tại phòng bếp tại tầng 2, T phát hiện trong tủ kính cạnh bếp có một túi nhỏ bằng vải màu đỏ, T mở túi ra thì thấy một số trang sức bằng vàng của bà T nên đã trộm 01 nhẫn vàng 18K trọng lượng 01 chỉ sau đó mang đến tiệm vàng K do bà Nguyễn Thị Duy N làm chủ bán được 1.000.000đ và tiêu xài cá nhân, tài sản không thu hồi được, bà N không thừa nhận đã mua vàng của T.

Lần thứ hai: Cách lần thứ nhất khoảng 3 ngày sau, T tiếp tục trộm cắp một dây chuyền vàng trọng lượng 03 chỉ trong túi vải màu đỏ để trên tủ bếp nhà bà T rồi mang đến tiệm vàng T do bà Hoàng Thị Thanh M làm chủ bán được 2.000.000đ tiêu xài cá nhân. Tài sản không thu hồi được, bà M không thừa nhận đã mua số vàng của T.

Lần thứ ba: Cách lần thứ hai khoảng 1 tuần, T tiếp tục trộm 01 nhẫn vàng 18K trọng lượng 01 chỉ trong túi vải màu đỏ để phía trên tủ cạnh bếp của bà T sau đó mang đến tiệm vàng K bán được 1.000.000đ và tiêu xài cá nhân. Tài sản không thu hồi được, bà N không thừa nhận mua vàng của T.

Lần thứ tư: Sau lần thứ 3 khoảng 1 tuần, trong lúc dọn dẹp phòng ngủ của bà T tại tầng 3, T lục tìm trong ngăn kéo tủ trang điểm trong phòng có một hộp kính màu trắng, T mở ra thấy bên trong có 01 ví nhỏ, trong ví có chứa một nhẫn trang sức bằng vàng có trọng lượng 02 chỉ rồi đem đến tiệm vàng T Lợi bán được 8.000.000đ và tiêu xài cá nhân. Tài sản không thu hồi được, bà M không thừa nhận mua vàng của T.

Để theo dõi xem ai là người trộm cắp tài sản, vào ngày 07/10/2019 bà T có lắp đặt 01 camera tại phòng ngủ đồng thời bỏ 01 nhẫn vàng giả vào hộp kính trong phòng trang điểm đến ngày 08/10/2019, khi trích xuất hình ảnh từ camera bà T phát hiện Nguyễn Thị T là người lấy cắp tài sản nên ngày 11/10/2019 bà T đã trình báo Cơ quan Công an, Tại Cơ quan Công an, T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và Cơ quan Công an thu giữ 01 nhẫn vàng giả từ túi đồ của T.

Tang vật thu giữ:

- 01 (một) Đĩa DVD – R hiệu Ming shen, bên trong có chứa dữ liệu video ghi lại hình ảnh Nguyễn Thị T trộm cắp tài sản vào ngày 08/10/2019 (thu giữ từ Nguyễn Thị Thu T);

- 01 (một) nhẫn bằng kim loại màu vàng (đã qua sử dụng) không rõ trọng lượng (thu giữ từ Nguyễn Thị T);

- 01 (một) xe mô tô BKS 43X6-6753 (thu giữ từ Nguyễn Thị T)

Theo kết luận định giá tài sản số 181/KL-HĐĐG ngày 09/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự UBND quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng kết luận: 01 nhẫn vàng 18K, 01 chỉ đã qua sử dụng có trị giá 3.021.200đ; 01 dây chuyền vàng 18K, 3 chỉ đã qua sử dụng có trị giá 9.064.800đ; 01 nhẫn vàng 18K, 01 chỉ đã qua sử dụng có trị giá 3.021.200đ; 01 nhẫn vàng 9999, hai chỉ đã qua sử dụng có trị giá

8.017.000đ. Tổng tài sản chiếm đoạt có trị giá 23.215.000đ. Riêng đối với nhẫn vàng T trộm cắp vào ngày 08/10/2019 chị T xác định là vàng giả, không có giá trị. Cơ quan Điều tra cũng tiến hành đánh giá chất lượng và xác định nhẫn này là giả, không có giá trị.

Về dân sự: Quá trình điều tra, bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bà Nguyễn Thị Thu T số tiền 14.000.000đ, bà T nhận đủ số tiền và không có yêu cầu gì thêm.

Tại bản cáo trạng số 42/CT-VKS ngày 23 tháng 4 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự;

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo về tội danh nói trên đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173 điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 12 đến 18 tháng tù. Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục tạm giữ tại hồ sơ vụ án 01 đĩa DVD –R do người bị hại giao nộp để phục vụ việc xét xử.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị T đều khai nhận hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đã đề cập. Bị cáo không khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; Bị cáo cũng thống nhất về tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố và điều luật đề nghị áp dụng tại phiên tòa, chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo có cơ hội chăm sóc gia đình.

Người bị hại Nguyễn Thị Thu T có đơn xin xét xử vắng mặt đồng thời xin bãi nại đối với bị cáo. Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình điều tra cũng đã có nội dung trình bày từ chối, không thừa nhận việc mua vàng của bị cáo T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm vấn công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại gì. Tại phiên tòa bị cáo, cũng không có ý kiến gì về hành vi, quyết định tố tụng như đã đề cập. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của người bị hại, biên bản xác định vị trí gây án cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, cụ thể: Nguyễn Thị T là người giúp việc nhà cho bà Nguyễn Thị Thu T tại đường L, phường H, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Trong thời gian giúp việc tại nhà bà T từ tháng 9 đến tháng 10 năm 2019, lợi dụng việc bà T để tài sản sơ hở, bị cáo đã 04 lần trộm cắp các tài sản gồm 02 nhẫn vàng 18K, 01 nhẫn vàng 9999, 01 sợi dây chuyền vàng, tổng trị giá tài sản bị trộm cắp là 23.215.000đ. Ngoài ra, bị cáo còn trộm cắp 01 nhẫn giả (không có

giá trị) và bị hình ảnh camera ghi lại vào ngày 08/10/2019. Do đó Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định cáo trạng số 42/CT-VKS ngày 23 tháng 4 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đã truy tố bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng tội.

[3] Xét tính chất vụ án thì thấy: Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội. Chỉ trong thời gian ngắn, từ tháng 9 đến tháng 10 bị cáo đã bốn lần thực hiện hành vi trộm cắp, chiếm đoạt tổng tài sản trị giá hàng chục triệu đồng, hành vi của bị cáo thuộc trường hợp “phạm tội từ hai lần trở lên” do đó đối với bị cáo cần phải bị xử phạt thích đáng, cách ly ra ngoài xã hội một thời gian để cải tạo mới có tác dụng giáo dục đồng thời làm gương cho người khác.

[4] Về các tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo có nhân thân tốt, sau khi phạm tội đã tự nguyện bồi thường cho người bị hại số tiền 14.000.000đ và được người bị hại bãi nại, quá trình điều tra đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải. Do đó HĐXX áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

[5] Đối với những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án thì thấy:

[5.1] Đối với bà Hoàng Thị Thanh M, bà Nguyễn Thị Duy N là chủ tiệm vàng K và tiệm vàng N, quá trình điều tra bị cáo T khai bán vàng tại các cửa hàng này, nhưng cả bà M, bà N đều không thừa nhận mua vàng của bị cáo. Ngoài chứng cứ là lời khai, không còn chứng cứ nào khác để xác định việc bị cáo bán vàng như đã khai. Mặt khác vấn đề dân sự của vụ án đã được bị cáo và người bị hại thống nhất, bị cáo đã bồi thường và người bị hại cũng không có yêu cầu gì thêm. Do đó Hội đồng xét xử không đề cập trách nhiệm liên quan đến bà M, bà N trong vụ án.

[5.1] Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ngô Thị Ngọc L cho bị cáo Nguyễn Thị T mượn xe mô tô BKS 43X6-67xx để làm phương tiện đi làm. Bà L không biết việc bị cáo trộm cắp. Cơ quan Điều tra đã trả lại xe mô tô và bà L không có yêu cầu gì nên HĐXX không xem xét.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra bị cáo đã bồi thường cho người bị hại Nguyễn Thị Thu T số tiền 14.000.000đ, người bị hại đã nhận đủ số tiền và không có yêu cầu gì thêm. Tại phiên tòa người bị hại đã có đơn xin xét xử vắng mặt đồng thời bãi nại cho bị cáo. Xét đây là sự tự nguyện giữa bị cáo và người bị hại nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[7] Về xử lý vật chứng: Đối với các vật chứng là xe mô tô BKS 43X6-67xx và 01 nhẫn vàng giả thu từ Nguyễn Thị T, Cơ quan Điều tra đã xử lý trả lại xe cho bà Ngô Thị Ngọc L, trả lại nhẫn cho bà Nguyễn Thị Thu T. Xét việc trả lại tài sản trên là phù hợp, bà L, bà T đã nhận lại tài sản và không có ý kiến gì nên HĐXX không đề cập xem xét. Riêng đối với vật chứng là một đĩa DVD – R hiệu Ming shen, bên trong có chứa dữ liệu video ghi lại hình ảnh Nguyễn Thị T trộm cắp tài sản vào ngày 08/10/2019, Hội đồng xét xử thấy cần tiếp tục lưu tại hồ sơ vụ án để phục vụ xét xử

[8] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Thị T** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

1. Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: **Nguyễn Thị T** 12 (Mười hai) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tiếp tục lưu giữ tại hồ sơ vụ án 01 đĩa DVD – R hiệu MING shen, bên trong có chứa dữ liệu video ghi lại hình ảnh Nguyễn Thị T trộm cắp tài sản vào ngày 08/10/2019 để phục vụ xét xử.

3. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Buộc bị cáo Nguyễn Thị T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm, báo cho bị cáo có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Riêng người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản sao bản án.

Nơi nhân:

- VKSND quận Hải Châu;
- VKSND TP Đà Nẵng;
- TAND TP Đà Nẵng;
- CQCSĐT CA quận Hải Châu;
- THA dân sự quận Hải Châu;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đoàn Công Quốc